

Số: 150/TB-PGDĐT

Ba Đình, ngày 18 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc xếp giải Cuộc thi “Tài năng Tin học trẻ quốc tế”
quận Ba Đình năm học 2024-2025

Căn cứ Công văn số 1131/SGDĐT-GDTrH ngày 09/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức vòng Chung khảo Cuộc thi Tài năng Tin học trẻ quốc tế thành phố Hà Nội;

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-PGDĐT ngày 02/01/2025 của Phòng GDĐT về việc tổ chức Cuộc thi “Tài năng Tin học trẻ quốc tế” quận Ba Đình năm học 2024-2025; Căn cứ Công văn số 118/TB-PGDĐT ngày 27/3/2025 của Phòng GDĐT về việc tham dự vòng Sơ khảo Cuộc thi “Tài năng Tin học trẻ quốc tế” cấp Quận năm học 2024-2025, Phòng GDĐT thông báo về việc xếp giải Cuộc thi, cụ thể:

1. Cấp Tiểu học

TT	Họ và tên	Lớp	Trường Tiểu học	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
1	Hà Gia Huy	4A1	Thành Công B	1000	297	Nhất
2	Cao Anh Quân	4A6	Kim Đồng	1000	368	Nhất
3	Đào Song Toàn	4B	Việt Nam - Cu Ba	1000	429	Nhất
4	Bùi Tuệ Anh	5A4	Nguyễn Trung Trực	1000	454	Nhất
5	Trần Ngọc Sơn	5A	Phan Chu Trinh	1000	498	Nhất
6	Nguyễn Hữu Linh	5A5	Thành Công A	1000	511	Nhì
7	Doãn Quang Khánh	5C	Hoàng Hoa Thám	1000	513	Nhì
8	Phạm Nhật Anh	5A5	Thành Công A	1000	517	Nhì
9	Nguyễn Đăng An	5A2	Thành Công B	1000	562	Nhì
10	Phạm Quang Anh	5D	Phan Chu Trinh	1000	574	Nhì
11	Trần Duy Đức	5A2	Hà Nội	1000	590	Nhì
12	Đình Phúc Minh	5A5	Hoàng Diệu	1000	633	Nhì
13	Nguyễn Hồng Thu	5A7	Kim Đồng	1000	731	Nhì
14	Nguyễn Ngân Khánh	5G	Hoàng Hoa Thám	967	549	Ba

TT	Họ và tên	Lớp	Trường Tiểu học	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
15	Đỗ Minh Thành	4D	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	967	589	Ba
16	Nguyễn Trí Đức	5A1	Nguyễn Bá Ngọc	967	666	Ba
17	Nguyễn Đỗ Hải Nguyên	5A3	Nguyễn Bá Ngọc	967	693	Ba
18	Bùi Bích Ngọc	4A1	Ngọc Hà	967	703	Ba
19	Nguyễn Thành Vinh	4D	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	967	960	Ba
20	Đặng Gia Hưng	5A2	Hà Nội	967	1013	Ba
21	Hoàng Công Gia An	5A1	Nguyễn Trung Trực	933	471	Ba
22	Nguyễn Tuấn Khanh	4A6	Hoàng Diệu	933	564	Ba
23	Dương Minh Anh	5A2	Nguyễn Bá Ngọc	933	641	Ba
24	Đỗ Phúc Minh Khang	4A5	Hoàng Diệu	933	783	Ba
25	Bùi Hùng Anh	5A8	Kim Đồng	933	968	Ba
26	Nguyễn Tùng Quân	5A2	Ngọc Hà	933	1165	Ba
27	Đàm Trọng Huy	4B	Phan Chu Trinh	900	533	Khuyến khích
28	Nguyễn Hà Phương	5A	Phan Chu Trinh	900	575	Khuyến khích
29	Đào Quang Đạt	5C	Việt Nam - Cu Ba	900	614	Khuyến khích
30	Văn Sĩ Trí Minh	5A5	Thành Công A	900	628	Khuyến khích
31	Chử Hoàng An	5A1	Nguyễn Trung Trực	900	629	Khuyến khích
32	Phan Thế Bảo	5B	Việt Nam - Cu Ba	900	648	Khuyến khích
33	Trần Bảo Quân	4A5	Đại Yên	900	681	Khuyến khích
34	Nguyễn Minh Long	5A2	Đại Yên	900	725	Khuyến khích
35	Nguyễn Minh Thư	4A2	Hà Nội	900	987	Khuyến khích
36	Vũ Nguyễn Gia Huy	4B	Nguyễn Tri Phương	900	1230	Khuyến khích

TT	Họ và tên	Lớp	Trường Tiểu học	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
37	Hoàng Nguyên Anh Kiệt	5B1	Vinschool Metropolis	900	1451	Khuyến khích
38	Ngô Hương Linh	5A6	Thành Công B	867	433	Khuyến khích
39	Nguyễn Minh Hoàng	3C	Việt Nam - Cu Ba	867	436	Khuyến khích
40	Phạm Minh Nguyên	5A2	Vạn Phúc	867	488	Khuyến khích
41	Lê Sỹ Hùng	5A4	Ngọc Khánh	867	759	Khuyến khích
42	Trần Thái Bảo Minh	4A2	Thành Công A	867	845	Khuyến khích
43	Nguyễn Quốc Hưng	5A2	Ngọc Khánh	867	1097	Khuyến khích
44	Nguyễn Phương Anh	4F	Nguyễn Tri Phương	867	1484	Khuyến khích
45	Nguyễn Trọng Đức Trí	5B3	Vinschool Metropolis	867	1525	Khuyến khích
46	Vũ Bình Minh	4D	Hoàng Hoa Thám	833	511	
47	Nguyễn Quốc Gia Bảo	3A3	Vạn Phúc	833	583	
48	Nguyễn Trung Sơn	4B5	Vinschool Metropolis	833	680	
49	Lê Huy Bảo	4B5	Vinschool Metropolis	833	704	
50	Vũ Đức Dương	4A5	Nguyễn Bá Ngọc	833	722	
51	Nguyễn Bảo Quyên	4A2	Đại Yên	833	845	
52	Nguyễn Bảo An	3A5	Ngọc Khánh	833	1039	
53	Tào Bảo Châu	4A4	Nghĩa Dũng	833	1102	
54	La Như Ý	3A6	Thành Công B	833	1170	
55	Nguyễn An Bảo	4F	Nguyễn Tri Phương	833	1201	
56	Trịnh Quốc Đạt	5A1	Hoàng Diệu	800	493	
57	Nguyễn Bảo Ngân	5A1	Vạn Phúc	800	625	
58	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	4G	Hoàng Hoa Thám	800	649	
59	Phùng Thanh Trúc	3A3	Vạn Phúc	800	725	

TT	Họ và tên	Lớp	Trường Tiểu học	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
60	Vũ Hải Ninh	5C	Thủ Lệ	800	809	
61	Phan Hải Long	5A4	Đại Yên	800	839	
62	Vũ Kim Ngọc	4C	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	800	919	
63	Nguyễn Văn Duy Hải	5A	Thủ Lệ	800	994	
64	Lương Vĩnh Khang	4F	Nguyễn Tri Phương	800	1075	
65	Nguyễn Thái Bảo	5A2	Nguyễn Trung Trực	767	723	
66	Nguyễn Phương Minh	5A2	Ngọc Hà	767	835	
67	Phạm Đoàn Thúy Hằng	4A2	Hà Nội	767	872	
68	Đặng Quang Minh	5C	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	767	1267	
69	Lê Thị Hoàng Dung	5C	Thủ Lệ	733	899	
70	Trần Gia Trí	3A1	Ngọc Hà	668	1006	
71	Vũ Hương Nhã Uyên	5A	Thủ Lệ	668	1033	
72	Nguyễn Vũ Nam Khánh	4A5	Nghĩa Dũng	668	1074	
73	Nguyễn Minh Khôi	3A5	Kim Đồng	636	525	
74	Chu Văn An	4A4	Nghĩa Dũng	541	1284	
75	Chu Bảo Anh	4A4	Nghĩa Dũng	477	1239	
76	Phan Anh Khoa	5A6	Ngọc Khánh	-1	(Vắng)	

2. Cấp THCS

TT	Họ và tên	Lớp	Trường THCS	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
1	Trần Minh Quân	7A1	Giảng Võ 2	947	317	Nhất
2	Trần Bảo Minh	6A1	Giảng Võ 2	947	884	Nhất
3	Đỗ Đức Việt	9A3	Mạc Đĩnh Chi	947	1084	Nhất
4	Bùi Anh Quân	7A1	Hoàng Hoa Thám	947	1592	Nhất

TT	Họ và tên	Lớp	Trường THCS	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
5	Nguyễn Đức Bình	7A5	Nguyễn Trãi	929	411	Nhì
6	Phan Khôi Thái	8A1	Thành Công	929	624	Nhì
7	Ngô Nam Khánh	6A1	Giảng Võ 2	929	649	Nhì
8	Hà Diệp Anh	7A3	Nguyễn Trãi	929	733	Nhì
9	Phạm Tuấn Minh	7A1	Hoàng Hoa Thám	929	797	Nhì
10	Lê Hoàng Ngọc Diệp	8A2	Hoàng Hoa Thám	929	1515	Nhì
11	Trần Vĩnh Hưng	8A1	Thành Công	929	1819	Nhì
12	Nguyễn Bảo Linh	8A	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	929	2198	Nhì
13	Đặng Thiên Vĩnh	7A3	Nguyễn Trãi	912	685	Ba
14	Đỗ Minh Trí	6A6	Giảng Võ	912	1136	Ba
15	Đào Hiên Long	7A0	Thăng Long	912	1323	Ba
16	Trần Nguyên Vũ	6B2	Vinschool Metropolis	894	951	Ba
17	Phạm Chí Bằng	9A3	Nguyễn Công Trứ	894	1166	Ba
18	Đỗ Khánh An	6A4	Nguyễn Trãi	894	1550	Ba
19	Nguyễn Thiên Phúc	9A3	Mạc Đĩnh Chi	894	2428	Ba
20	Nguyễn Thiên Ân	6A5	Mạc Đĩnh Chi	859	1147	Ba
21	Lê Đức Trí	8A9	Giảng Võ	859	1270	Ba
22	Nguyễn Tài Nhật Nam	8A8	Ba Đình	859	1381	Ba
23	Lưu Đức Quang	8B2	Vinschool Metropolis	859	1988	Ba
24	Đặng Nhật Minh	8A8	Ba Đình	859	2615	Ba
25	Nguyễn Trung Nghĩa	9A3	Nguyễn Công Trứ	841	856	Khuyến khích
26	Lê Quang Minh	7A6	Ba Đình	841	911	Khuyến khích
27	Lê Minh Đức	6A6	Giảng Võ	841	1228	Khuyến khích
28	Nguyễn Bá Thanh	7A3	Vinschool Metropolis	841	2927	Khuyến khích

TT	Họ và tên	Lớp	Trường THCS	Điểm	Thời gian làm bài (giây)	Xếp giải
29	Quách Đình Hoàng Anh	6A7	Nguyễn Công Trứ	824	762	Khuyến khích
30	Trần Nguyên Giáp	6A	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	824	1295	Khuyến khích
31	Nguyễn Thế Hoàng	8A1	Thành Công	824	1425	Khuyến khích
32	Phạm Minh Đông	9A5	Phan Chu Trinh	824	1880	Khuyến khích
33	Nguyễn Hoàng Nam	6A3	Phúc Xá	824	2081	Khuyến khích
34	Lê Phạm Bảo Minh	7A1	Nguyễn Tri Phương	806	682	
35	Cung Hoàng Bách	9A2	Vinschool Metropolis	806	1164	
36	Nguyễn Hương Anh Phú	7A1	Giảng Võ 2	806	1203	
37	Đặng Quang Minh	9A3	Mạc Đĩnh Chi	806	1359	
38	Lê Minh Hiếu	8A7	Nguyễn Công Trứ	806	1425	
39	Nguyễn Trọng Khánh	8C	Thăng Long	806	1597	
40	Nguyễn Đức Hải	7A3	Nguyễn Tri Phương	788	1066	
41	Nguyễn Nam Sơn	9D	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	788	1867	
42	Ngô Quốc Tuấn	8A1	Nguyễn Tri Phương	771	1334	
43	Nguyễn Khánh Hà	6A4	Thăng Long	771	1711	
44	Vũ Anh Quân	9A2	Phúc Xá	771	1855	
45	Ngô Đức Minh	7A1	Thành Công	771	2974	
46	Đoàn Trần Nhật Tuấn	6A6	Nguyễn Tri Phương	753	1326	
47	Đào Phan Anh	8C	TH-THCS-THPT Thực Nghiệm KHGD	753	1781	
48	Nguyễn Công Nguyên	6A4	Thăng Long	735	1662	
49	Vũ Minh Nguyệt	7A10	Phan Chu Trinh	718	758	
50	Doãn Huy Phúc Lâm	6A6	Giảng Võ	700	1390	
51	Lê Quốc Việt	9A2	Phúc Xá	700	2213	

TT	Họ và tên	Lớp	Trường THCS	Điểm	Thời gian làm bài (giờ)	Xếp giải
52	Nguyễn Quỳnh Gia Hân	8A8	Ba Đình	700	2334	
53	Nguyễn Thế Vinh	9A2	Phúc Xá	675	2421	
54	Đặng Huy Hải Nam	7A9	Phan Chu Trinh	600	1535	
55	Hoàng Trung Sơn	9A7	Phan Chu Trinh	475	1225	
56	Nguyễn Bảo Hân	7A1	Hoàng Hoa Thám	-1	(Vắng)	

Trên đây là Thông báo về việc xếp giải Cuộc thi “Tài năng Tin học trẻ quốc tế” quận Ba Đình năm học 2024-2025./.

Nơi nhận:

- Các phòng thuộc Sở: GDTH, GDTrH;
- Đ/c Phạm Thị Diễm - PCT UBND quận;
- Các đ/c Phó Trưởng phòng GDĐT;
- Các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn quận;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Đức Thuận